

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HS-PT

Ngày: 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/TLPT-HS ngày 19/02/2024 đối với bị cáo Nguyễn Tiến D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Tiến D**; sinh năm 1987 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKTT và cư trú: Thôn 4, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Công chức; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Phi H; con bà: Trịnh Thị Đ; vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2022); bị cáo có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**

+ Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

**Người làm chứng*

+ Ông: **Đoàn Văn Ch**, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

+ Ông **Đỗ Viết L**, sinh năm: 1966; địa chỉ: Đội 4, xóm Đông Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Bà **Bùi Thị L1**, sinh năm: 1972 địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Bà **Cần Thị Th**, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông **Phí Văn H**, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

+ Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn 1, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Bà **Chung Thị Thùy L**, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn 4, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

+ Bà **Hồ Thị L2**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ K, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tiến D là công chức tư pháp hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã Đ K từ tháng 9/2015 theo quyết định số 1257/QĐ-CT ngày 11/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đạ Tẻh. Quá trình công tác, Dũng được phân công trực tiếp chịu trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo xã Đ K trong công tác hộ tịch, chứng thực. Khi người dân có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì đến ủy ban nhân dân xã, Dũng tiếp nhận hồ sơ, thông tin chuyển nhượng rồi soạn thảo nội dung hợp đồng theo mẫu có sẵn. Sau khi các bên ký vào hợp đồng, đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ K ký chứng thực thì Dũng mang hợp đồng đến bộ phận văn thư để đóng dấu, nộp bản lưu trữ, còn lại giao lại cho người có tên trong hợp đồng chuyển nhượng để đi nộp thuế, phí theo quy định của Nhà nước.

Tuy nhiên, vào ngày 02/11/2015, Dũng tiếp nhận hồ sơ và soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đỗ Viết L, bà Bùi Thị L1 và ông Đoàn Văn Ch, bà Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số K345019, diện tích 2.674m² tại thôn 6, xã Đ K, huyện Đa Tễ, tỉnh Lâm Đồng, giá chuyển nhượng 20.000.000đồng. Sau khi các bên kiểm tra thông tin, ký hợp đồng chuyển nhượng, đồng chí Phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã Đ K chứng thực, xác nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 51, quyền số 01 TP/CC-SCT/HDGD, Dũng mang hợp đồng đến bộ phận văn thư đóng dấu xác nhận rồi giao lại cho các bên đi nộp thuế phí theo quy định. Đến chiều cùng ngày, bà Đoàn Thị L cầm 02 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 51 đến Ủy ban nhân dân xã Đ K yêu cầu Nguyễn Tiến D sửa lại số tiền ghi trong hợp đồng chuyển nhượng. Dũng đồng ý, tại trang 02 của hợp đồng, trong mục “ GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN” Dũng đã dùng bút bi ghi số “1” đè lên số 2 thuộc dãy số 20.000.000, thành dãy số 10.000.000 rồi gạch ngang chữ “hai”, thêm dấu huyền trên đầu chữ “mười” để thành chữ “mười”. Ngoài ra, Dũng còn dùng bút bi viết bổ sung thêm dòng chữ “đối với đất nông nghiệp. Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền đối với đất ở” vào mục “Nguồn gốc sử dụng đất”. Sau đó, Dũng tự ý lấy con dấu của Ủy ban nhân dân xã Đ K đóng dấu xác nhận vào “03” vị trí đã chỉnh sửa bằng bút bi trên các hợp đồng chuyển nhượng rồi giao lại cho bà Đoàn Thị L. Đồng thời, Dũng cũng lấy bản hợp đồng nộp lưu tại Ủy ban nhân dân xã Đ K chỉnh sửa lại nội dung giống với nội dung đã sửa cho bà Liệu. Quá trình chỉnh sửa nội dung hợp đồng, Dũng không báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Đ K, không thông báo cho ông Long, bà Lồng biết.

Ngày 01/8/2022, Cục thuế tỉnh Lâm Đồng đã có kết luận giám định xác định: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 51, Chi cục thuế Khu vực Đa Huoai – Đa Tễ – Cát Tiên đã căn cứ xác định giá đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định tại thời điểm chuyển nhượng cao hơn giá trị kê khai trong hợp đồng chuyển nhượng trước khi chưa chỉnh sửa, hồ sơ này không phải truy thu thuế.

Ngày 5/7/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận chữ viết “đối với đất nông nghiệp. Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền đối với đất ở” trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 51 ngày 02/11/2015 so với chữ viết của Nguyễn Tiến D trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Không đủ cơ sở kết luận số “1” tại Điều 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Tiến D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người viết ra hay không.

Ngoài ra, vào năm 2017, Nguyễn Tiến D còn thực hiện thủ tục soạn thảo và chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 107/2017 giữa

bên bán là ông Nguyễn Đức T (có vợ tên Cấn Thị Th) với bên mua là ông Phí Văn H (có vợ tên Nguyễn Thị Thu H) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Q487275 tại xã Đ K, huyện Đa Têh, giá trị hợp đồng chuyển nhượng 200.000.000đồng. Sau khi nhận hợp đồng đã chứng thực, Dũng phát hiện thông tin cá nhân của các bên chuyển nhượng có sai sót nên đã dùng bút bi ghi thêm và sửa thông tin cá nhân, tự ý đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ K vào 04 vị trí chỉnh sửa, không báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Đ K, không thông báo cho các bên có tên trong hợp đồng biết. Tuy nhiên, sau khi mang hợp đồng về, ông Hải gọi điện thoại nhờ Dũng điều chỉnh lại giá tiền mua bán trên hợp đồng thành 20.000.000 đồng (*do thời gian đã lâu ông Hải và Dũng đều không nhớ chính xác ngày*) nhưng Dũng đi công tác nên đã hướng dẫn ông Hải đến văn phòng Ủy ban nhân dân xã Đ K để nhờ sửa lại. Khi đến văn phòng Ủy ban nhân dân xã Đ K, ông Hải gặp ông Nguyễn Trọng H, thời điểm đó là công chức Văn phòng. Khi nghe ông Hải trình bày toàn bộ nội dung sự việc thì ông Hiệp đã trực tiếp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 107/2017 để thực hiện việc điều chỉnh giá tiền mua bán trên hợp đồng theo yêu cầu của ông Hải nhưng hướng dẫn ông Hải gặp bà Nguyễn Thị Bào làm cùng bộ phận Văn phòng với ông Hiệp để nhận lại hợp đồng. Khi nhận lại hợp đồng từ bà Bào, hợp đồng đã được sửa tại trang số 02 của hợp đồng, trong mục “GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN” dãy số 200.000.000 được gạch ngang và viết bút bi phía dưới dãy số 20.000.000, còn chữ “trăm” được gạch ngang rồi viết xuống dưới là chữ “Mười”. 02 vị trí chỉnh sửa đã được đóng dấu xác nhận của ủy ban nhân dân xã Đ K. Tại bản kết luận giám định ngày 01/8/2022 của Cục thuế Lâm Đồng xác định hợp đồng chuyển nhượng số 107/2017 lập ngày 27/12/2017 giữa bên bán là Nguyễn Đức T và bên mua là Phí Văn H: Số tiền thuế, phí chênh lệch phải truy thu do sửa số liệu hợp đồng chuyển nhượng là: 4.424.000 đồng; trong đó thuế TNCN: 3.539.200 đồng, lệ phí trước bạ: 884.800 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, ông Phí Văn H khai trực tiếp đưa hợp đồng số 107 cho ông Nguyễn Trọng H và nhận lại hợp đồng đã chỉnh sửa từ bà Nguyễn Thị Bào. Lý do ông Hải yêu cầu điều chỉnh giá tiền mua bán trên hợp đồng phù hợp với giá tài sản mua bán, để giảm tiền thuế, phí phải nộp cho Nhà nước. Còn ông Nguyễn Trọng H, ban đầu thừa nhận đã thực hiện việc chỉnh sửa giá tiền trên hợp đồng của ông Phí Văn H. Tuy nhiên, khi Cơ quan CSĐT Công an huyện Đa Têh cho xem các vị trí bị chỉnh sửa trên hợp đồng chuyển nhượng số 107 thì ông Hiệp khẳng định không phải do ông Hiệp viết, ông Hiệp không biết là chữ của ai, đồng thời khai báo sau khi nhận hợp đồng số 107 của ông Hiệp thì đưa lại

cho bà Nguyễn Thị Bào chứ ông Hiệp không trực tiếp chỉnh sửa. Đối với bà Nguyễn Thị Bào bị bệnh hiểm nghèo đã chết vào ngày 16/07/2023 nên Cơ quan CSĐT công an huyện Đa Tề không làm việc được với bà Bào để xác thực lời khai của ông Hiệp.

Đồng thời tại bản kết luận giám định số 556/KL-KTHS ngày 5/7/2023 Phòng KTHS Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Không đủ cơ sở kết luận số “250423698”; số “524488”; chữ viết “Lâm Đồng” tại trang 1 và số “20.000.000”; chữ viết “mười” tại Điều 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Nguyễn Trọng H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 có phải do cùng một người viết ra hay không nên không đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị Bào.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKSĐT ngày 29/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tề truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm a khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HSST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đa Tề đã xử.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2023, bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi giống như bản án sơ thẩm đã xét xử; tuy nhiên, bị cáo cho rằng không có mục đích vụ lợi, hành vi của bị cáo chỉ vi phạm hành chính nên không cấu thành tội phạm, đề nghị xử lý hành chính đối với hành vi vi phạm của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Bị cáo Đinh Tiến Dũng là công chức tư pháp hộ tịch xã Triệu Hải, huyện Đa Tễ, ngày 02/11/2015, Dũng tiếp nhận hồ sơ và soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đỗ Viết L, bà Bùi Thị L1 và ông Đoàn Văn Ch, bà Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K345019, diện tích 2.674m² tại thôn 6, xã Đ K, huyện Đa Tễ, tỉnh Lâm Đồng, giá chuyển nhượng 20.000.000đồng. Sau khi các bên kiểm tra thông tin, ký hợp đồng chuyển nhượng, đồng chí Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ K chứng thực, xác nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 51, quyển số 01 TP/CC-SCT/HDGD, Dũng mang hợp đồng đến bộ phận văn thư đóng dấu xác nhận rồi giao lại cho các bên đi nộp thuế phí theo quy định. Đến chiều cùng ngày, bà Đoàn Thị L cầm 02 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 51 đến Ủy ban nhân dân xã Đ K yêu cầu Nguyễn Tiến D sửa lại số tiền ghi trong hợp đồng chuyển nhượng. Dũng đồng ý, tại trang 02 của hợp đồng, trong mục “ GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN” Dũng đã dùng bút bi ghi số “1” đè lên số 2 thuộc dãy số 20.000.000, thành dãy số 10.000.000 rồi gạch ngang chữ “hai”, thêm dấu huyền trên đầu chữ “mười” để thành chữ “muoi”. Ngoài ra, Dũng còn dùng bút bi viết bổ sung thêm dòng chữ “đối với đất nông nghiệp. Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền đối với đất ở” vào mục “Nguồn gốc sử dụng đất”. Sau đó, Dũng tự ý lấy con dấu của Ủy ban nhân dân xã Đ K đóng dấu xác nhận vào “03” vị trí đã chỉnh sửa bằng bút bi trên các hợp đồng chuyển nhượng rồi giao lại cho bà Đoàn Thị L. Đồng thời, Dũng cũng lấy bản hợp đồng nộp lưu tại Ủy ban nhân dân xã Đ K chỉnh sửa lại nội dung giống với nội dung đã sửa cho bà Liệu. Quá trình chỉnh sửa nội dung hợp đồng, Dũng không báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Đ K, không thông báo cho ông Long, bà Lòng biết.

Bị cáo cho rằng, việc làm của bị cáo do người dân (ông Đoàn Văn Ch, bà Đinh Thị Liệu) yêu cầu sửa đổi do sai sót đánh máy vì số tiền mua bán vào thời điểm năm 2000 là 2.700.000đ, hành vi của bị cáo không gây hậu quả, không gây thiệt hại về tài sản cho nhà nước, bị cáo không có tư lợi cá nhân nên không phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo đã có hành vi tự ý thực hiện sửa chữa hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không thông báo cho người có thẩm quyền biết, không có sự đồng ý đề nghị sửa đổi nội dung hợp đồng của các bên bằng văn bản. Hành vi của bị cáo sửa chữa về mặt nội dung, làm thay đổi bản chất của hợp đồng (khi đương sự cho rằng giá chuyển nhượng 2.700.000đ và lúc

ký hợp đồng thì 20.000.000đ và sửa thành 10.000.000đ) khi chưa có văn bản thỏa thuận của cả hai bên đương sự, không thông báo cho người có thẩm quyền ký hồ sơ trước đó biết về việc chỉnh sửa nội dung mà tự ý lấy dấu đóng vào phần sửa nên hành vi bị cáo cấu thành tội “*Giả mạo trong công tác*”. Tòa án nhân dân huyện Đa Tễh căn cứ nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ đã xử bị cáo 12 tháng tù, cho hưởng án treo là hoàn toàn phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/12/2023)

Giao bị cáo Nguyễn Tiến D cho Ủy ban nhân dân xã Đ K, huyện Đa Tễh, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến D phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đạ Tẻh (10);
- VKSND huyện Đạ Tẻh (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đạ Tẻh (01);
- Cơ quan THAHS huyện Đạ Tẻh (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (07);
- Hồ sơ THAHS (07);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Hoài